

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: ~~4572~~ /SGTVT – QLGT

V/v đính chính phụ lục kèm theo
Văn bản số 4282/SGTVT-QLGT
ngày 12/12/2017 của Sở GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày ~~28~~ tháng 12 năm 2017

Kính gửi:

- Công an tỉnh;
- Các Sở: Xây dựng, Công thương, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền Thông, Nội vụ;
- Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh;
- Ban Quản lý KKT tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cục Quản lý đường bộ II.

Ngày 12/12/2017, Sở GTVT đã có Văn bản số 4282/SGTVT-QLGT hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện Quyết định số 4455/QĐ-UBND ngày 21/11/2017 của UBND tỉnh có phụ lục thông tin hiện trạng, quy hoạch các tuyến đường gửi kèm theo.

Do phần phụ lục có một số tuyến, đoạn tuyến đường chưa cập nhật đúng theo cấp đường định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 3227/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và mốc lộ giới đường tỉnh theo quy hoạch của địa phương. Vì vậy, Sở GTVT đính chính lại thông số cấp đường quy hoạch định hướng đến năm 2030 như phụ lục chi tiết gửi kèm theo.

Sở GTVT rất mong được sự quan tâm của các đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở (để chỉ đạo);
- Các Ban QLDA I, II, III T.Hóa (th/hiện);
- Thanh tra Sở (th/hiện);
- Các đơn vị quản lý đường bộ (th/hiện);
- Các phòng: QLGT, KHTC, QLVT, TĐKHKT, QLGTNT, QLPT&NL (th/hiện);
- Văn phòng Sở (để đăng tin);
- Lưu: VT, QLGT (V.Tâm2b).

GIÁM ĐỐC



Trần Văn Hải

**THÔNG TIN HIỆN TRẠNG, QUY HOẠCH CÁC QUỐC LỘ, ĐƯỜNG TỈNH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA**

(Kèm theo Văn bản số **4512**/SGTVT-QLGT ngày **28** /12/2017 của Sở GTVT)

TT	Tên đường	Số hiệu	Chiều dài (Km)	Cấp đường hiện trạng	Cấp đường quy hoạch		Cơ quan quản lý
					Năm 2020	Định hướng năm 2030	
A	Hệ thống Quốc lộ						
	Cục QLDB II						
1	Quốc lộ 1	QL.1	98	III	III	III	Cục QLDB II
2	Đường Hồ Chí Minh	HCM	130	III	Đường cao tốc		
3	Quốc lộ 10	QL.10	45	V, IV	III	III	
4	Nghi Sơn – Bãi Trành		54,5	II, III, IV	II, III	II, III	
5	Quốc lộ 45	QL.45	124,5	III, IV, V	III	III	
	Sở GTVT quản lý						
6	Quốc lộ 15	QL.15	86	V, VI	III	III	Sở GTVT
7	Quốc lộ 47 (Km0-Km71+500)	QL.47	71,5	III, IV	II, III	II, III	
	Quốc lộ 47 (Km71+500-Km138+500)		67	V, VI	IV	III, IV	
8	Quốc lộ 217 (Km0-Km104+500)	QL.217	104,5	IV, V, VI	III, IV	III	
	Quốc lộ 217 (Km104+500-Km194)		89,5	IV, V, VI	III, IV	III	
9	Quốc lộ 15C	QL.15C	112,4	V, VI	IV	IV	
10	Quốc lộ 47B	QL.47B	24,6	V, VI	III	III	
11	Quốc lộ 217B	QL.217B	49,7	III, IV, V	III	III	
12	Quốc lộ 47C	QL.47C	54,5	VI	IV	III	
13	Quốc lộ 16 (Km0-Km119)	QL.16	119	VI	IV, VI	IV	
	Quốc lộ 16 (Km119-Km190)		71	VI	IV, VI	IV	
B	Hệ thống đường tỉnh						
1	Trường Thi- Hàm Rồng	501	4,5	Đô thị	Đô thị	Đô thị	Sở GTVT
2	Đình Hương- Giàng- Thiệu Đô (Km0-Km3)	502	3	IV, VI	III, IV	III	
	Đình Hương- Giàng- Thiệu Đô (Km3-Km14+500)		11,5	IV, VI	III, IV	III	
3	Quốc lộ 47- Cảng Thanh Hóa	503	2	IV	QH theo mặt cắt quy hoạch(Bn=33m, Bm=15m)		
4	Quảng Bình- Quảng Yên	504	11,3	VI	IV	III	Sở GTVT
5	Chuối- Thanh Tân	505	28,3	V	IV, V	III	UBND huyện Nông Cống
6	TT Thiệu Hóa- Xuân Vinh- Xuân Lam (Km0-Km12)	506B	12	VI	IV, VI	III	Sở GTVT
	TT Thiệu Hóa- Xuân Vinh- Xuân Lam (Km12-Km26)		14	VI	IV, VI	III	
6	TT Thiệu Hóa- Xuân Vinh- Xuân Lam (Km26-Km34)	506B	8	VI	IV, VI	III	
7	Yên Phong- Cầu Bút	506C	10,77	VI	IV	III	

TT	Tên đường	Số hiệu	Chiều dài (Km)	Cấp đường hiện trạng	Cấp đường quy hoạch		Cơ quan quản lý
					Năm 2020	Định hướng năm 2030	
8	Hà Ninh- Ngã Ba Hạnh	508	14	VI	Nâng lên quốc lộ (III)		
9	Nghĩa Trang- Chợ Phú	509	5,2	V, IV	IV	III	UBND huyện Hoàng Hóa
10	Hoàng Long- Hoàng Đại- Ngã Tư Goòng - Chợ Vực (Km0-Km9+500)	510	9,5	V	IV	III	Sở GTVT
	Hoàng Long- Hoàng Đại- Ngã Tư Goòng - Chợ Vực (Km9+500-Km22)		12,5	V	IV	III	UBND huyện Hoàng Hóa
11	Hoàng Trường - Hoàng Phụ	510B	15	V	V	III	
12	Ngã Ba Môi- Núi Chẹt	511	14,3	III, IV	III	III	Sở GTVT
13	Tân Dân- Chuồng	512	13,4	VI	IV	III	UBND huyện Tĩnh Gia
	Vạn Thiện- Tượng Sơn		13,5	VI	IV, VI	III	UBND huyện Nông Cống
14	Cầu Hồ - Nghi Sơn	513	14,02	IV, III	Đô thị (Bn=60m, Bm=2x15)		Sở GTVT
15	Cầu Thiệu - Thượng Ninh (Km0-Km15+400)	514	15,4	V, VI	IV, VI	III	UBND huyện Triệu Sơn
	Cầu Thiệu - Thượng Ninh (Km15+400-Km33+400)		18	V, VI	IV, VI	III	Sở GTVT
16	Ngã Ba Sim - Xuân Thắng	514B	14				UBND huyện Triệu Sơn
-	Km0-Km0+422			VI	IV, VI	III	
-	Km0+422-Km13+00			VI	IV, VI	III	
-	Km13+00-Km13+950			VI	IV, VI	Theo quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phân khu 2 - khu dân cư đô thị Lam Sơn Sao Vàng	
17	Ngã Ba Chè- Hạnh Phúc	515	22,4	VI	IV	III	UBND huyện Thiệu Hóa
18	Hạnh Phúc- Yên Bái	515D	1,5	V, VI	IV	III	UBND huyện Thọ Xuân
19	Thiệu Lý - Đông Hoàng (Km0-Km2)	515B	2	VI	IV	III	Sở GTVT
	Thiệu Lý - Đông Hoàng (Km2-Km4)		2	VI	IV	III	UBND huyện Thiệu Hóa
20	Đu- Thọ Vực	515C	4	VI	VI	III	

TT	Tên đường	Số hiệu	Chiều dài (Km)	Cấp đường hiện trạng	Cấp đường quy hoạch		Cơ quan quản lý
					Năm 2020	Định hướng năm 2030	
21	Kim Tân- Thạch Định- Thạch Quảng	516					UBND huyện Thạch Thành
-	Km0+00 - Km1+500			VI	VI	Theo quy hoạch chung xây dựng cải tạo và mở rộng thị trấn Kim Tân,	
-	Km1+500 - Km21+760; Km22+183-Km24+130			VI	VI	III	
-	Km21+760-Km22+183			VI	VI	Theo quy hoạch chung xây dựng đô thị Thạch Quảng	
22	Kim Tân-Vinh Hùng-TT Quán Lào-TTNT Thống Nhất-Phổ Châu	516B		VI	VI		
-	Km0+00 - Km16+500			V,VI	IV, VI	III	
-	Km16+500-Km21+800			V,VI	IV, VI	quy hoạch chung xây dựng thị trấn Quán Lào	
-	Km21+800 - Km22+200					Trùng QL.45	
-	Km22+200-Km39+650					quy hoạch chung xây dựng thị trấn Quán Lào	
-	Km39+650-Km41+800; Km44+108-Km44+838; Km48+600-Km58+032					III	
-	Km41+800-Km48+600					quy hoạch chung xây dựng thị trấn NN Thống Nhất	

TT	Tên đường	Số hiệu	Chiều dài (Km)	Cấp đường hiện trạng	Cấp đường quy hoạch		Cơ quan quản lý
					Năm 2020	Định hướng năm 2030	
23	Thiệu Phú- Định Thành-Định Tân (Km0-Km8)	516C	8	V, VI	V	III	
	Thiệu Phú- Định Thành-Định Tân (Km8-Km28+320)		20,32	V, VI	V	III	
	Thiệu Phú- Định Thành-Định Tân (đoạn Định Bình - Định Thành)	516C	7	VI	IV	III	Sở GTVT
24	Định Tiến - Yên Hùng	516D	21,3	VI	IV	III	
25	Cầu Trầu- Nưa	517	12,7	VI	IV	III	
26	Kiểu-Ấn Đổ (Km0-Km12+300)	518	12,3	VI	IV, VI	III	
	Kiểu-Ấn Đổ (Km12+300-Km23+600)		11,3	VI	IV, VI	III	
27	Cầm Sơn- Quý Lộc- Kiểu	518B		VI	IV, VI	III	UBND huyện Cẩm Thủy
28	Mục Sơn- Hón Can	519	24,5	III, IV	III	III	Sở GTVT
-	Km0+00 - Km1+222			Quy hoạch chung xây dựng, cải tạo và mở rộng thị trấn Thường Xuân,			
-	Km1+222 – Km24+500			III, IV	III	III	
29	Luận Thành- Bù Đôn	519B	38	VI	VI		
-	Km0+00-Km3+450					Theo quy hoạch chung xây dựng thị trấn Sao Vàng,	
-	Km3+450 – Km58+00					III	
30	Sim - TT Bến Sung - Thanh Tân	520	48	VI	IV	III	UBND huyện Như Thanh
31	Xuân Quỳ - Thanh Quân	520B	24,73	VI	VI	III	Sở GTVT
32	Vạn Mai- Trung Sơn	521	24	VI	IV, VI	III	
33	Cảnh Nang - Lũng Cao	521B	34,16	GTNT loại A	IV, VI		
-	Km0+00 - Km1+230					Theo quy hoạch chung xây dựng thị trấn Cảnh Nang	
-	Km1+230-Km16+300 và Km0-Km4+400 tuyến nhánh					III	
-	Km16+300-Km22+00					IV	
-	Km22+00 - Km29+760					IV	
34	Bán Công - Phú Lệ	521C	36,83	V	IV	III	
35	Bím Sơn - Hà Long - Hà Lĩnh	522B	22,6	VI	IV		

TT	Tên đường	Số hiệu	Chiều dài (Km)	Cấp đường hiện trạng	Cấp đường quy hoạch		Cơ quan quản lý
					Năm 2020	Định hướng năm 2030	
-	Km0+300 - Km1+600					Theo quy hoạch chi tiết của thị xã Bim Sơn	
-	Km0+00 - Km0+300; Km1+600 - Km8+600; Km8+900-Km23+500					III	
36	Cầu Cừ- Kim Tân- Dốc Trầu - Thạch Quảng	523	33,3	V, VI	IV, VI		UBND huyện Hà Trung và Thạch Thành
-	Km0+00-Km22+00; Km23+850-Km33+450					III	
-	Km22+350-Km23+850					quy hoạch chung xây dựng cải tạo và mở rộng thị trấn Kim Tân, huyện Thạch Thành	
37	Cầm Tú- Điền Lư	523B	32	VI	IV, VI	III	Sở GTVT
38	Vĩnh Long - Thạch Bình - Cầm Ngọc	523C	23,9	VI	IV	III	
39	Ban Công – Lương Nội	523D	32,5	VI	IV	III	
40	Cầm Phong- Cầm Lương- Cầm Thủy	523E	15,5	VI	IV	III	
41	Cầu Báo Văn- NgTư Sy- Nga Phú	524	24,5	VI	IV, VI	III	UBND huyện Nga Sơn
42	Chợ Kho - Minh Thọ - Thăng Thọ- Tượng Văn	525		VI	IV, VI		UBND huyện Tĩnh Gia đoạn Km0- Km20; UBND huyện Nông Cống đoạn Km20- Km30+300
-	Km0+00-Km2+600; Km5+600-Km11+200; Km12+700-Km28+100					III	
-	Km2+600-Km5+600					Quy hoạch chung xây dựng đô thị Trường Sơn	

TT	Tên đường	Số hiệu	Chiều dài (Km)	Cấp đường hiện trạng	Cấp đường quy hoạch		Cơ quan quản lý
					Năm 2020	Định hướng năm 2030	
-	Km11+200-Km12+700					Quy hoạch chung xây dựng Thị trấn Nông Cống	
43	Hoa Lộc- Minh Lộc- Hải Lộc- Đa Lộc	526	30,5	IV, VI	IV, VI	III	UBND huyện Hậu Lộc
44	Hậu Lộc- Quán Dốc	526B	7,8	VI	IV	III	Sở GTVT
45	Cầu Hà Lan- QL10	527	11,64	V	IV	III	UBND huyện Nga Sơn
46	Tứ Thôn- Mộng Giường	527B	13,5	V,VI	IV	III	Sở GTVT
47	Thị Trấn Hà Trung- Hà Lan	527C	11,4	V	IV	III	
48	Quán Lào- Sét- Dốc Lê	528	8	V, VI	IV	III	
49	Thanh Tân- Bò Lăn	529	10,5	VI	VI	III	
50	Lang Chánh- Yên Khương	530	43,7	V, VI	IV, VI		Sở GTVT
-	Km0+00-Km2+300					Theo quy hoạch chung xây dựng mở rộng thị trấn Lang Chánh	
-	Km2+300-Km41+712					III	
51	Đường Lang Chánh – Yên Khương	530B	34,925	V, VI	IV, VI		
-	Đoạn Km0+00-Km1+500					quy hoạch chung xây dựng mở rộng thị trấn Lang Chánh,	
-	Km1+500-Km34+925					III	
52	Đường Hải Thượng - Lăn Ông		2	Đô thị	Đô thị	Đô thị	
53	Nhà Máy giấy Châu Lộc		3	V, VI	IV	III	
54	Đường tuần tra biên giới		135,2	VI, GTNT loại A	VI	VI	